CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Thành Thái

Ngày 30/06/2025	5,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	**-**	**-4.8%**

DT thuần
Q2/25
6.70
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.46| 107%
YoY: ▼35.2| -84.0%

LN thuần
Q2/25
-0.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.33| -226%
YoY: ▼0.75| -7506%

LN sau thuế
Q2/25
-0.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.33| -226%
YoY: ▼0.75| -7506%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-7.7%
YoY: +/-▼ 34.3%

ROE (TTM)
Q2/25
15.1%
YoY: +/-▼ 1.3%

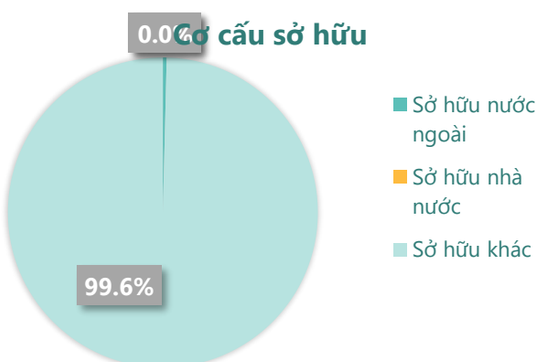
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,400 - 6,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31
Số lượng CPLH (CP)	5,199,816
KLGD BQ 20 phiên (CP)	450
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.05)
EPS	1,276
P/E	4.6

DT thuần
6T 2025
9.95
tỷ VNĐ
YoY: ▼62.3| -86.2%

LN thuần
6T 2025
-0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.12| -442%

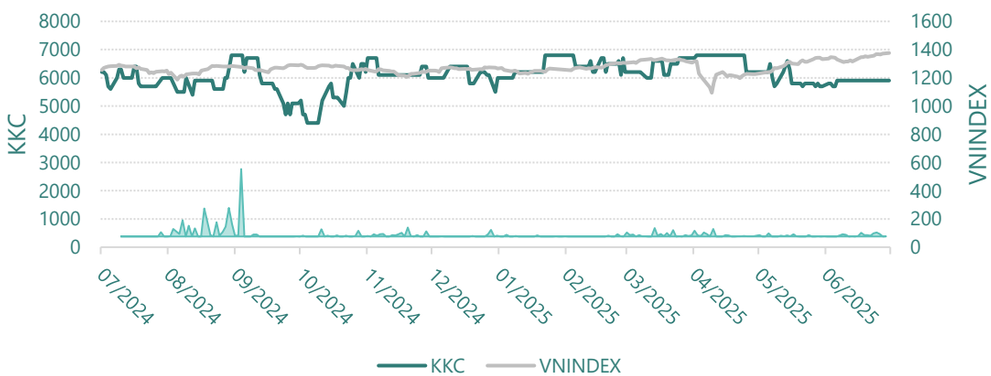
LN sau thuế
6T 2025
-0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.62| -131%

Cơ cấu sở hữu

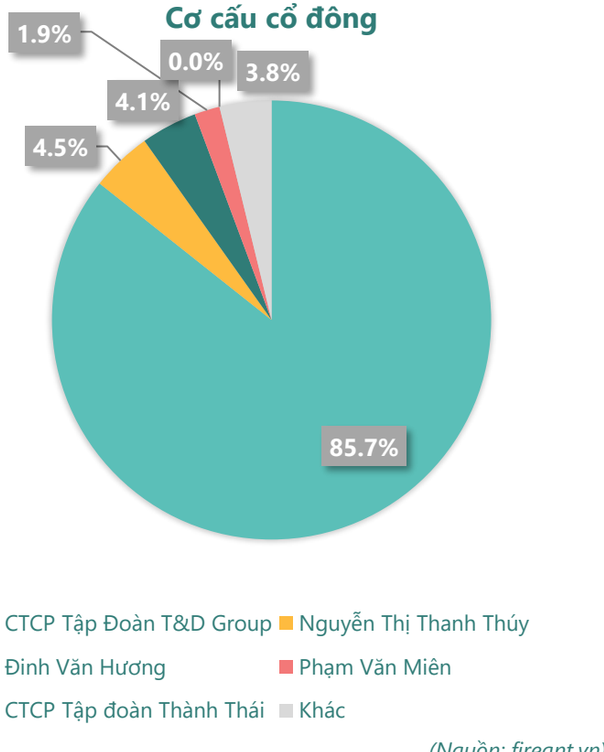


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



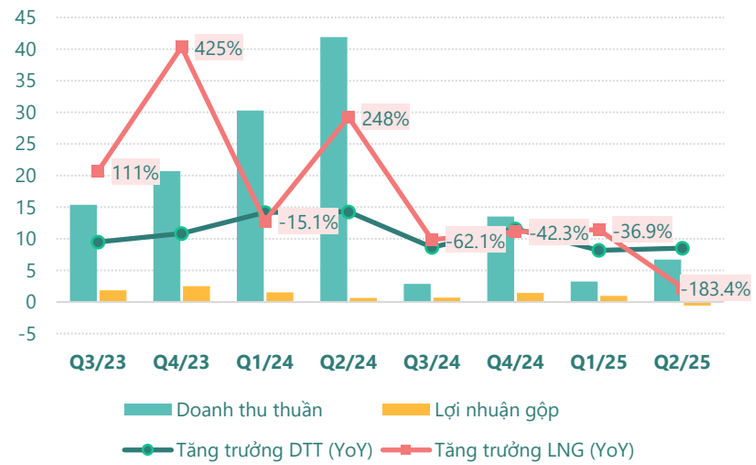
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

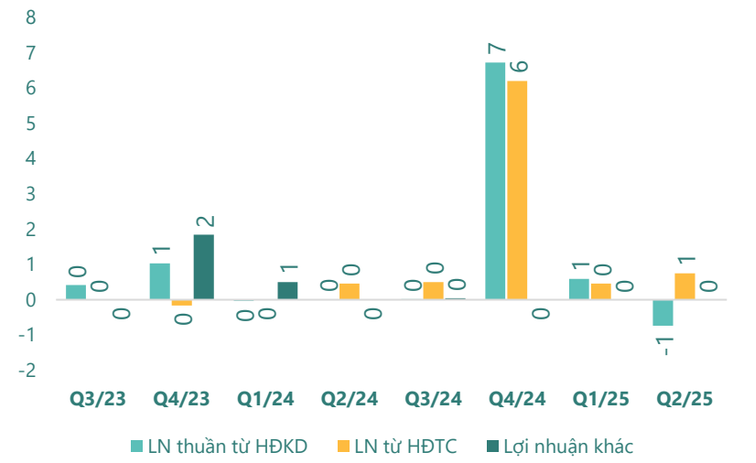
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



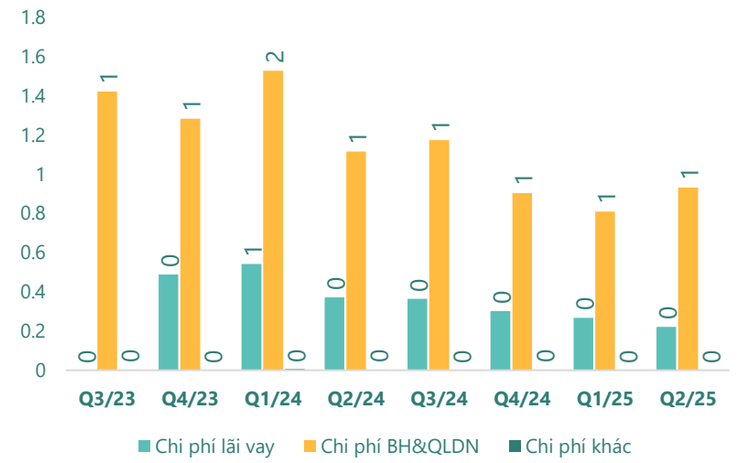
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



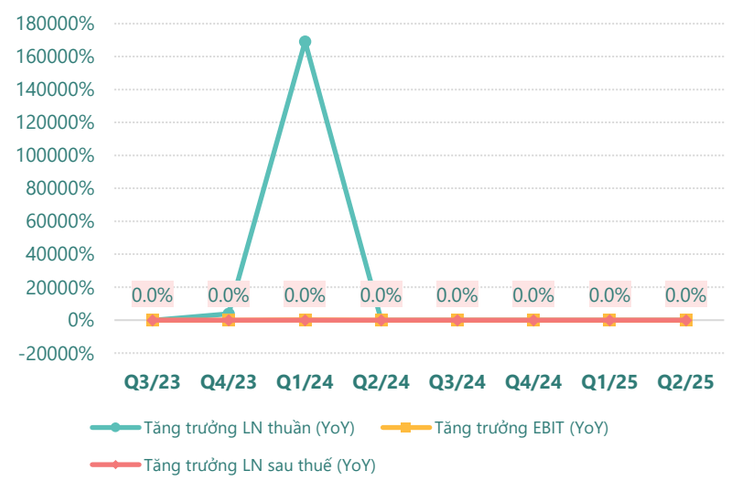
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



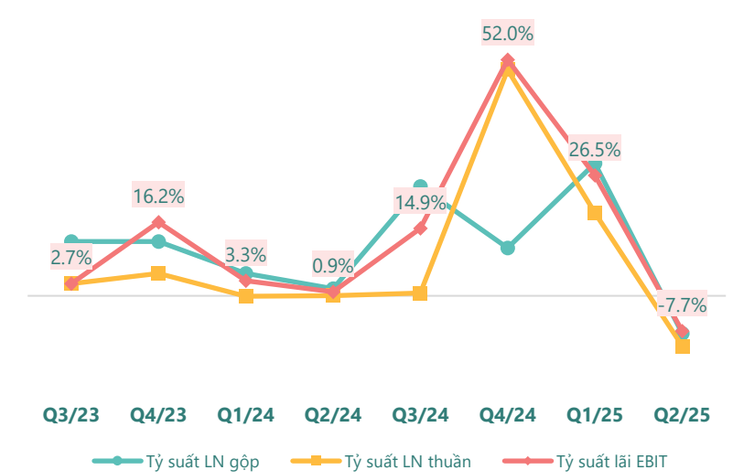
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



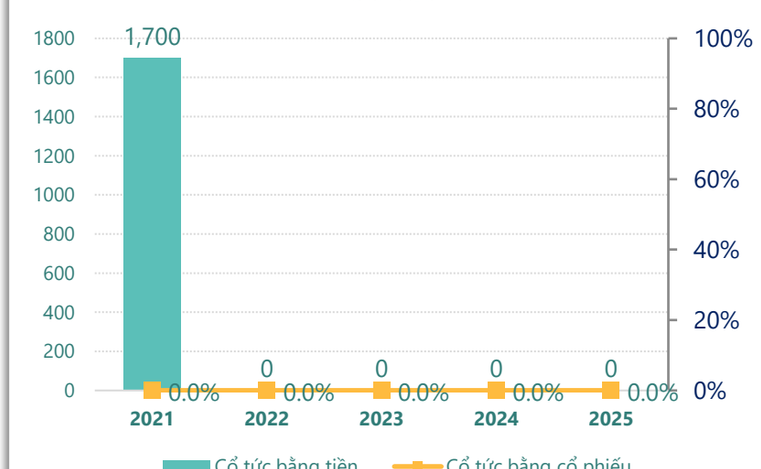
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

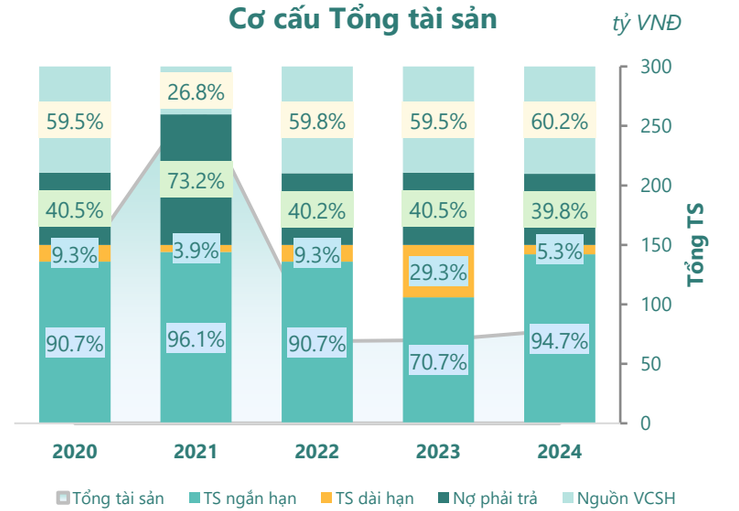
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

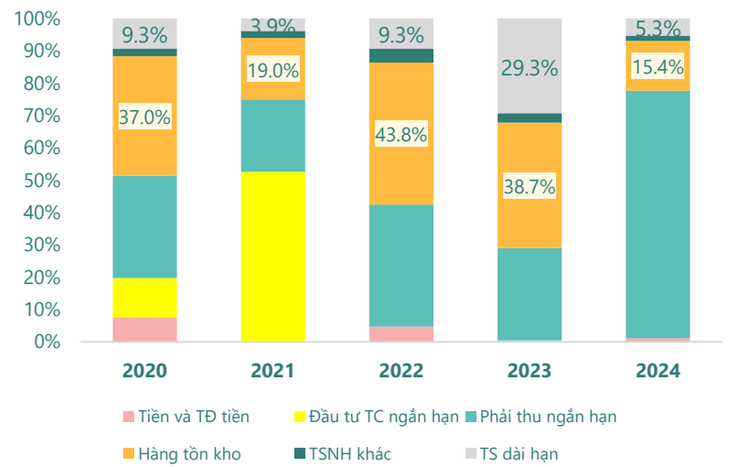
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



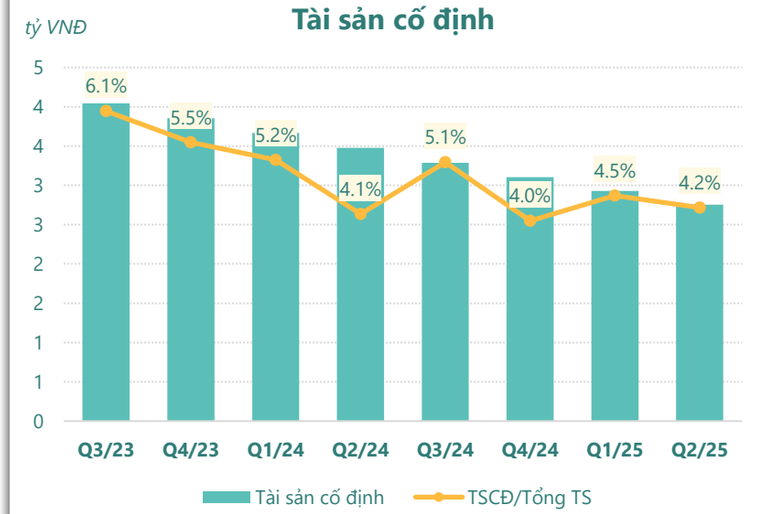
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



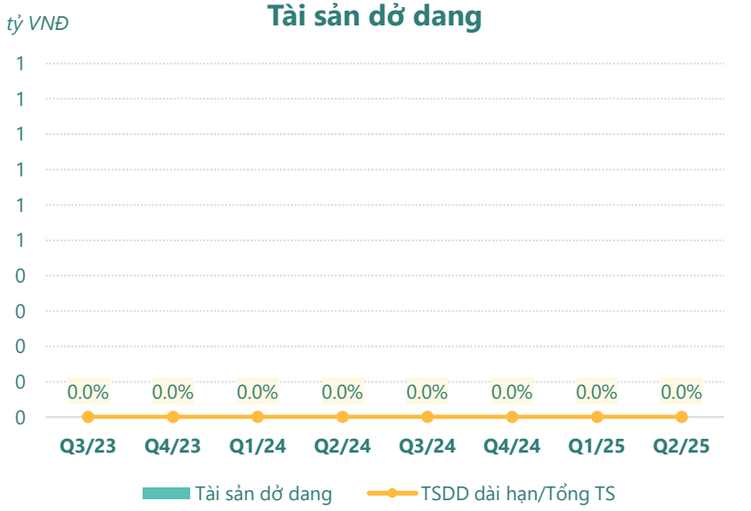
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



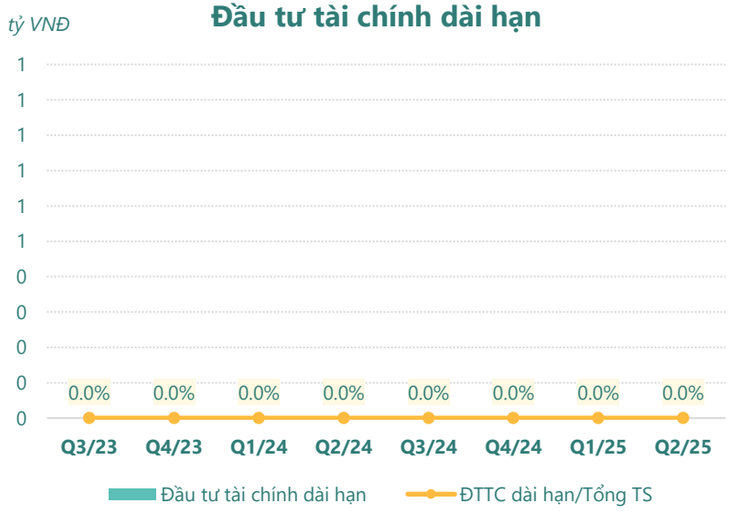
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



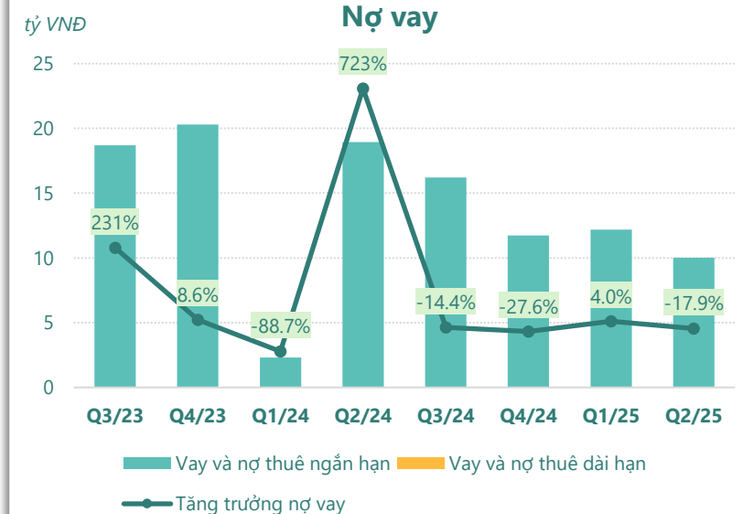
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

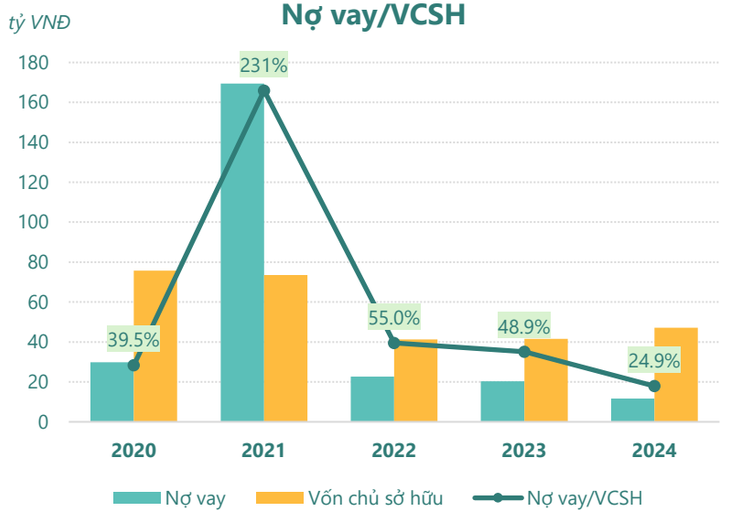
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

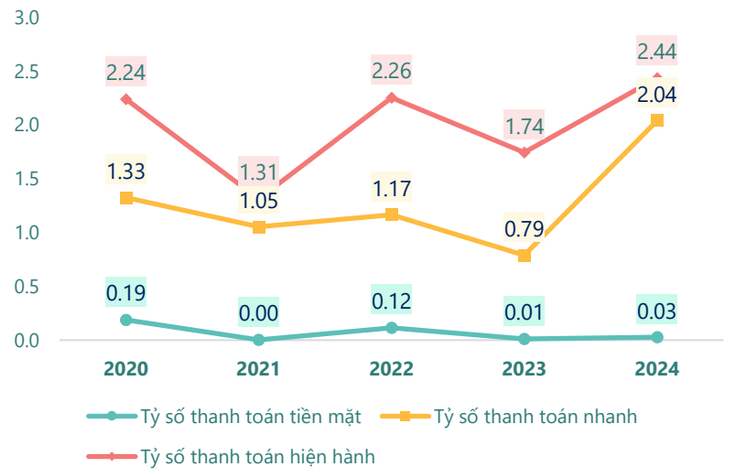
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



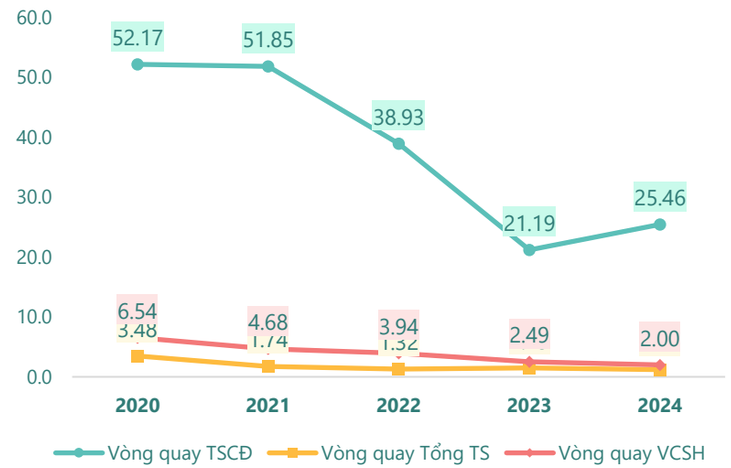
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



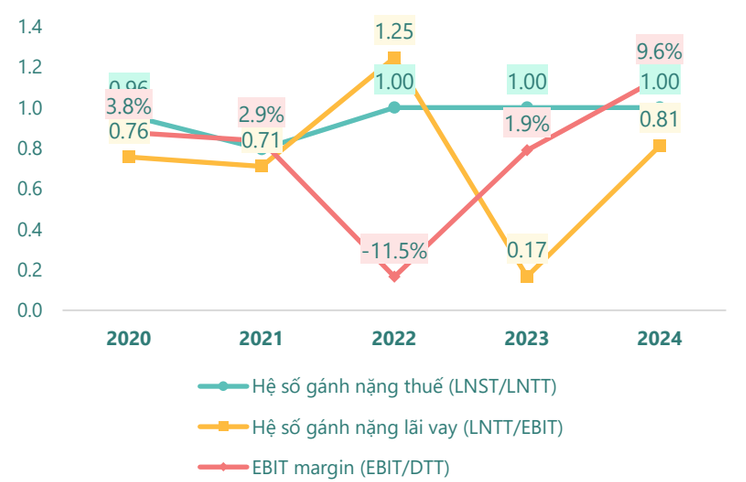
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



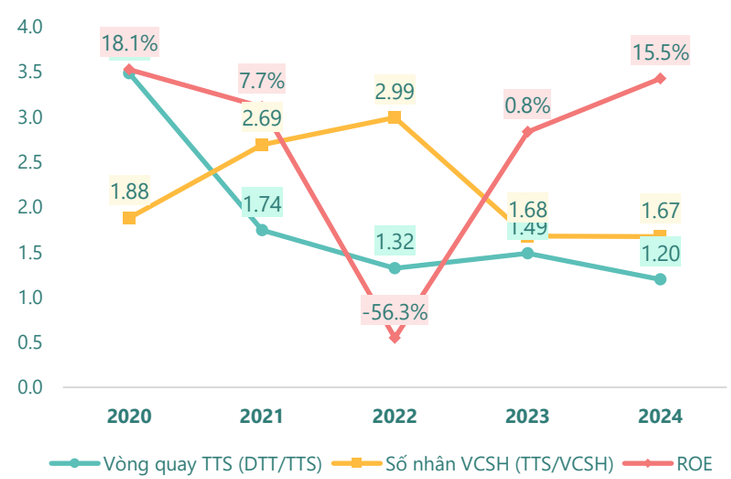
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



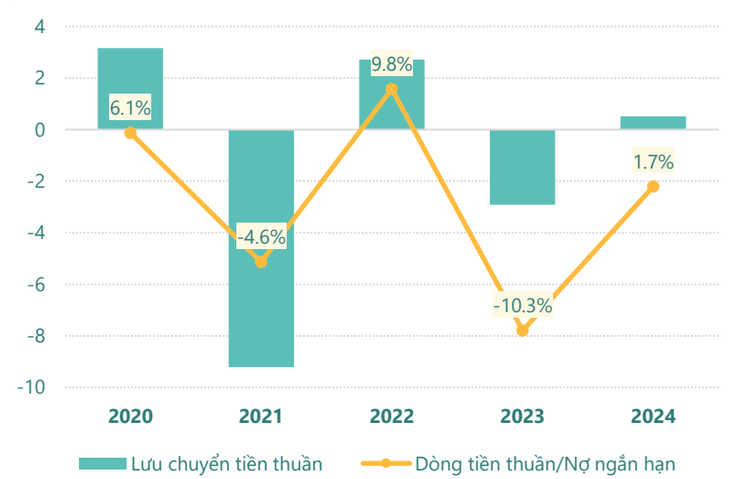
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.70**	**41.9**	**-84.0%**	**9.95**	**72.2**	**-86.2%**
Giá vốn hàng bán	7.26	41.2	-82.4%	9.56	70.0	-86.4%
Lợi nhuận gộp	-0.55	0.67	-183%	0.39	2.17	-81.9%
Doanh thu HĐTC	0.97	0.83	16.6%	1.69	1.36	24.0%
Chi phí TC	0.22	0.37	-40.3%	0.49	0.91	-46.5%
Chi phí lãi vay	0.22	0.37	-40.3%	0.49	0.91	-46.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.13	0.48	-73.2%	0.26	1.03	-75.1%
Chi phí QLDN	**0.80**	**0.64**	**25.6%**	**1.49**	**1.62**	**-8.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.74	0.01	-7506%	-0.15	-0.03	-442%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.50**	**-100.0%**
LN trước thuế	-0.74	0.01	-7506%	-0.15	0.47	-131%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.74**	**0.01**	**-7506%**	**-0.15**	**0.47**	**-131%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.74**	**0.01**	**-7506%**	**-0.15**	**0.47**	**-131%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.1	19.2	14.4	6.78	12.0	-3.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.19	-13.0	-0.30	-2.48	-0.61	0.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-18.0	-2.30	-17.2	-4.48	-11.7	10.0
Tiền đầu kỳ	0.31	0.22	4.09	1.00	0.82	0.53
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.08**	**3.86**	**-3.08**	**-0.18**	**-0.29**	**6.87**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.22	4.09	1.00	0.83	0.53	7.40

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**65.2**	**78.3**	**-16.8%**
Tài sản ngắn hạn	61.4	74.2	-17.2%
Tiền và tương đương tiền	7.40	0.82	800%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	48.1	60.0	-19.8%
Hàng tồn kho	4.81	12.1	-60.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	1.31	-14.6%
Tài sản dài hạn	**3.73**	**4.15**	**-10.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.75	3.11	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.98**	**1.04**	**-6.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	18.2	31.2	-41.7%
Nợ ngắn hạn	**17.4**	**30.4**	**-42.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.0	11.7	-14.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.13	16.9	-81.4%
Nợ dài hạn	0.75	0.75	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**47.0**	**47.1**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**47.0**	**47.1**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	52.0	52.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)